

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI NHẤT CẤP THÀNH PHỐ VÀ ĐẠT GIẢI CẤP QUỐC GIA NĂM HỌC 2021-2022

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
----	-----------	-----	----	----	-----	--------	-----	--------------	---------	------	------------

1. GIẢI NHẤT KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP THÀNH PHỐ

1	Lê Minh	Long	18	7	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 HÓA	Hóa học	Kinh	Nhất	5
2	Nguyễn Hà Phương	Trâm	21	2	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 HÓA	Hóa học	Kinh	Nhất	5
3	Nguyễn Minh	Quân	2	8	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 HÓA	Hóa học	Kinh	Nhất	5
4	Đoàn Lê Nam	Phương	11	8	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 SINH	Sinh học	Kinh	Nhất	5
5	Nguyễn Long	Hưng	16	3	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 SINH	Sinh học	Kinh	Nhất	5
6	Phạm Trần Quang	Huy	30	11	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 KC1	Sinh học	Kinh	Nhất	5
7	Huỳnh Phước	Lợi	22	9	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 SINH	Sinh học	Kinh	Nhất	5
8	Hoàng Đình Thục	Anh	24	4	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
9	Đình Thế	Quân	1	1	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
10	Nguyễn Nam Chí	Hiếu	31	8	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
11	Hoàng Kim	Thanh	23	5	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
12	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	19	10	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Tày	Nhất	5
13	Nguyễn Phú	Thịnh	27	9	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 ANH	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
14	Lê Hoàng	Danh	7	11	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 KC1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
15	Phạm Võ Tuấn	Kiệt	19	5	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 TIN	Tin học	Kinh	Nhất	5
16	Nguyễn Mạnh	Hùng	3	4	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 TOÁN	Toán	Kinh	Nhất	5
17	Trần Phan Anh	Danh	1	6	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 LÝ	Vật lí	Kinh	Nhất	5
18	Trần Long	Hưng	3	5	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 LÝ	Vật lí	Kinh	Nhất	5
19	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Anh	6	10	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B5	Hóa học	Kinh	Nhất	Tân Phú
20	Nguyễn Duy	Khang	27	7	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B2	Hóa học	Kinh	Nhất	Tân Phú
21	Trịnh Minh	Thơ	22	12	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B2	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Phú
22	Nguyễn Diệp Mỹ	Trang	29	5	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B1	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Phú

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
23	Lê Phan Hồng	Cảnh	21	5	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B3	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Phú
24	Phạm Duy Tường	Phước	20	8	2004	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12B7	Toán	Kinh	Nhất	Tân Phú
25	Trần Thanh Bảo	Hân	14	1	2004	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	12/3	Ngữ văn	Kinh	Nhất	1
26	Trịnh Minh	Nghi	5	4	2004	THCS và THPT Ngôi Sao	12A1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Bình Tân
27	Huỳnh Công	Hiếu	18	6	2004	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	12A3	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình
28	Nguyễn Việt	Hoàng	11	12	2004	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	12A4	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Tân Bình
29	Nguyễn Đăng	Khoa	7	11	2004	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	12A1	Toán	Kinh	Nhất	Tân Bình
30	Trần Ngọc Vân	Nhi	15	11	2004	THCS và THPT Nhân Văn	12/2	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Phú
31	Hoàng Thị Minh	Thơ	2	12	2004	THCS và THPT Thái Bình	12a3	Lịch sử	Kinh	Nhất	Tân Bình
32	Cao Thị Kim	Oanh	7	2	2004	THPT Bình Chánh	12A11	Lịch sử	Kinh	Nhất	Bình Chánh
33	Đào Nguyễn Ngọc	Huyền	20	6	2004	THPT Bình Phú	12A10	Ngữ văn	Kinh	Nhất	6
34	Nguyễn Thị Kim	Hiền	23	5	2004	THPT Bình Tân	12A8	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Bình Tân
35	Trương Ngọc	Thảo	11	8	2004	THPT Bùi Thị Xuân	12A14	Lịch sử	Kinh	Nhất	1
36	Lã Nguyễn Tuấn	Anh	19	2	2004	THPT Bùi Thị Xuân	12A14	Lịch sử	Kinh	Nhất	1
37	Dương Anh	Kiệt	30	9	2004	THPT Củ Chi	12A1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Củ Chi
38	Vũ Hoàng	Duy	2	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
39	Nguyễn Hoàng	Khang	15	9	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH2	Hóa học	Kinh	Nhất	5
40	Nguyễn Thái	Tài	24	2	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
41	Đỗ Tuấn	Khải	19	2	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh học	Kinh	Nhất	5
42	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh học	Kinh	Nhất	5
43	Dương Tuấn	Khải	29	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
44	Dương Quốc	Khánh	15	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
45	Lê Uy	Khiêm	7	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
46	Nguyễn Minh	Mẫn	3	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
47	Phạm Nguyễn Gia	Hưng	19	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Nhật	Kinh	Nhất	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
48	Trần Ngọc Minh	Châu	4	12	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
49	Tạ Tuấn	Hiền	10	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Nhất	5
50	Hoàng Nhã	Thi	4	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Nhất	5
51	Lý Đình Minh	Mẫn	22	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
52	Trần Đại	Nghĩa	29	11	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
53	Huỳnh Phan Yến	Nhi	24	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
54	Đồng Minh	Nghĩa	23	10	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
55	Lê Bá Nhật	Minh	12	9	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
56	Ngô Minh	Khôi	14	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
57	Nguyễn Gia	Nghi	22	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12A1	Địa lí	Kinh	Nhất	5
58	Nguyễn Việt	Phong	3	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
59	Hoàng Anh	Đức	8	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
60	Nguyễn Xuân Hoàng	Dương	9	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
61	Đào Khánh	Thuận	18	9	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
62	Đặng Nguyễn Anh	Kiệt	24	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
63	Trần Phạm Khánh	Duy	12	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
64	Nguyễn Hà Quốc	Bảo	2	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CV1	Lịch sử	Kinh	Nhất	5
65	Trần Trọng	Đoàn	6	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CV1	Ngữ văn	Kinh	Nhất	5
66	Châu Gia	Tuấn	1	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh học	Hoa	Nhất	5
67	Hoàng Quốc	Minh	15	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh học	Kinh	Nhất	5
68	Thạch Gia	Bảo	25	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Sinh học	Kinh	Nhất	5
69	Phạm Ngô Khánh	Trang	3	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
70	Nguyễn Đức	Huy	13	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA3	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
71	Lê Cát Mỹ	Trân	1	9	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
72	Nguyễn Trọng	Hiếu	12	12	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
73	Nguyễn Hữu Minh	Đăng	24	2	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
74	Trương Minh	Khánh	2	12	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
75	Châu Bảo	Ngọc	1	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
76	Tôn Thất Tuấn	Anh	28	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhất	5
77	Quan Kiến	Tân	6	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Kinh	Nhất	5
78	Thái Huệ	Mẫn	21	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Nhất	5
79	Trần Thi	Trân	12	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Kinh	Nhất	5
80	Lý Y	Luân	18	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Kinh	Nhất	5
81	Nguyễn Thành	An	1	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
82	Đoàn Anh	Tuấn	9	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
83	Nguyễn Thanh Phước	Lộc	21	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
84	Ngô Hoàng	Tuấn	26	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
85	Nguyễn Hoàng	Phúc	22	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhất	5
86	Trần Đức Trí	Cường	21	10	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
87	Thái Quang	Phát	18	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
88	Nguyễn Minh	Khoa	28	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
89	Đàm Văn	Lâm	9	2	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
90	Nguyễn Công Duy	Nguyên	4	1	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhất	5
91	Hoàng Anh	Hùng	29	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
92	Ngô Minh	Hưng	16	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
93	Nguyễn Anh	Thạch	9	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
94	Trần Minh	Đăng	21	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
95	Đoàn Nguyễn Minh	Khoa	21	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
96	Nguyễn Quang	Trọng	30	1	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12TH2	Địa lí	Kinh	Nhất	1
97	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	23	6	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Lịch sử	Kinh	Nhất	1

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
98	Đặng Thị Quỳnh	Như	28	10	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	1
99	Châu Thị Thanh	Hiền	9	3	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	1
100	Đinh Thị Ánh	Linh	26	8	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CS	Sinh học	Kinh	Nhất	1
101	Phạm Trang Hạnh	Dung	27	6	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12TH2	Sinh học	Kinh	Nhất	1
102	Nguyễn Ngọc Bảo	Khang	12	6	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
103	Nguyễn Trần Huy	Hoàng	3	7	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
104	Trần Phạm Duy	Long	13	1	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CL	Vật lí	Kinh	Nhất	1
105	Nguyễn Hoàng	Giang	1	1	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CH	Hóa học	Kinh	Nhất	1
106	Lâm Quốc	Bảo	22	8	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CH	Hóa học	Kinh	Nhất	1
107	Nguyễn Thái	Dương	2	12	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CH	Hóa học	Kinh	Nhất	1
108	Đào Nguyễn Mai	Khanh	27	8	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Lịch sử	Kinh	Nhất	1
109	Trần Thượng	Triều	3	11	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	1
110	Đỗ Lê Phúc	Thịnh	20	1	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CS	Sinh học	Kinh	Nhất	1
111	Bùi Quốc	Khải	6	8	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
112	Lê Phú Anh	Khang	9	10	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
113	Hồ Đình Xuân	Khanh	20	11	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
114	Nguyễn Hưng	Thịnh	20	4	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
115	Nguyễn Minh	Quân	3	3	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CT	Toán	Kinh	Nhất	1
116	Trần Võ Minh	Trí	1	7	2004	THPT Gia Định	12HS	Hóa học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
117	Phan Doãn	Tiến	9	5	2004	THPT Gia Định	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
118	Lưu Thị Hoài	Thu	22	5	2004	THPT Gia Định	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
119	Nguyễn Định	Tường	16	3	2004	THPT Gia Định	12CA	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
120	Lưu Quốc	Bảo	7	4	2004	THPT Gia Định	12CTin	Tin học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
121	Nguyễn Quốc	Đại	29	4	2004	THPT Gia Định	12CTin	Tin học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
122	Trần Thành	Long	25	9	2004	THPT Gia Định	12CTin	Tin học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
123	Bùi Huỳnh	Trâm	23	4	2004	THPT Gia Định	12CT	Toán	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
124	Nguyễn Đăng	Khoa	15	12	2004	THPT Gia Định	12CT	Toán	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
125	Nguyễn Minh	Quân	25	7	2004	THPT Gia Định	12CT	Toán	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
126	Phạm Nguyễn Mai	Thư	7	11	2004	THPT Gia Định	12CL	Vật lí	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
127	Nguyễn Viết Công	Danh	25	8	2004	THPT Gia Định	12CH	Hóa học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
128	Nguyễn Như	Nghĩa	6	7	2004	THPT Gia Định	12HS	Sinh học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
129	Võ Thành	Nghĩa	27	6	2004	THPT Gia Định	12CTin	Tin học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
130	Nguyễn Tấn Bảo	Nghi	30	4	2004	THPT Hùng Vương	12A18	Lịch sử	Kinh	Nhất	5
131	Võ Gia	Huy	12	11	2004	THPT Lê Thánh Tôn	12A2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	7
132	Đỗ Mỹ	Uyên	3	9	2004	THPT Lê Trọng Tấn	12A11	Địa lí	Kinh	Nhất	Tân Phú
133	Phạm Hoàng Quốc	Công	20	5	2004	THPT Lê Trọng Tấn	12A4	Lịch sử	Kinh	Nhất	Tân Phú
134	Trần Thanh	Hà	10	2	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Nhất	6
135	Nguyễn Thành	Quang	20	7	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Nhất	6
136	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	4	5	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Nhất	6
137	Hồ Hữu	Sang	10	3	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Nhất	6
138	Trần Hoàng	Nam	5	12	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A11	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	6
139	Nguyễn Khánh	Trang	12	3	2003	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A06	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	6
140	Cao Nguyễn Huy	Hoàng	9	3	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A06	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	6
141	Lê Vũ	Tiến	1	7	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Nhất	6
142	Lưu Nam	Đạt	17	2	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A16	Tin học	Kinh	Nhất	6
143	Nguyễn Minh	Anh	14	11	2004	THPT Marie Curie	12D06	Ngữ văn	Kinh	Nhất	3
144	Phan Truong	Angela	8	7	2003	THPT Marie Curie	12D04	Ngữ văn	Kinh	Nhất	3
145	Trần Minh	Huy	1	3	2004	THPT Marie Curie	12D03	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	3
146	Lê Thị Từ	Vy	8	2	2004	THPT Ngô Quyền	12C	Địa lí	Kinh	Nhất	7
147	Lương Giah	Vy	9	2	2004	THPT Ngô Quyền	12C	Lịch sử	Kinh	Nhất	7

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
148	Đinh Hà Tú	Vân	2	5	2004	THPT Nguyễn Công Trứ	12A17	Lịch sử	Hoa	Nhất	Gò Vấp
149	Lê Thiên Thuỷ	Tiên	23	2	2004	THPT Nguyễn Công Trứ	12A19	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Gò Vấp
150	Nguyễn Phạm Mai	Ka	29	10	2004	THPT Nguyễn Công Trứ	12A7	Sinh học	Kinh	Nhất	Gò Vấp
151	Trần Quang	Huy	11	1	2004	THPT Nguyễn Chí Thanh	12A5	Địa lí	Kinh	Nhất	Tân Bình
152	Hoàng Ngọc Diễm	Hương	17	12	2004	THPT Nguyễn Du	12A10	Địa lí	Kinh	Nhất	10
153	Trang Nguyễn	Vy	4	6	2004	THPT Nguyễn Du	12A12	Lịch sử	Kinh	Nhất	10
154	Bùi Kim	Chi	20	2	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A04	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Hóc Môn
155	Mai Phan Quỳnh	Thư	10	10	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A11	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Hóc Môn
156	Trần Nguyễn Anh	Thư	9	3	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A02	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Hóc Môn
157	Trần Hồng Phương	Thy	15	8	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A04	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Hóc Môn
158	Nguyễn Thanh	Trọng	18	3	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A02	Sinh học	Kinh	Nhất	Hóc Môn
159	Nguyễn Hoàng	Tú	22	12	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A01	Toán	Kinh	Nhất	Hóc Môn
160	Phạm Đức	Duy	25	6	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A01	Vật lí	Kinh	Nhất	Hóc Môn
161	Võ Mai Anh	Thy	8	4	2003	THPT Nguyễn Hữu Huân	12A1	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
162	Phạm Ngô Hòa	Bình	2	10	2004	THPT Nguyễn Hữu Huân	12CA	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
163	Nguyễn Ngọc	Bản	24	6	2004	THPT Nguyễn Hữu Huân	12CL	Vật lí	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
164	Dương Trung	Nguyên	23	10	2004	THPT Nguyễn Hữu Huân	12CL	Vật lí	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
165	Lê Thành	Tâm	1	12	2004	THPT Nguyễn Hữu Tiến	12A06	Vật lí	Kinh	Nhất	Hóc Môn
166	Huỳnh Phước	Thịnh	10	2	2004	THPT Nguyễn Thượng Hiền	12A01	Lịch sử	Kinh	Nhất	Tân Bình
167	Nguyễn Thảo	My	13	10	2004	THPT Nguyễn Thượng Hiền	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Bình
168	Ngô Hữu	Kiên	23	8	2004	THPT Nguyễn Thượng Hiền	12A01	Vật lí	Kinh	Nhất	Tân Bình
169	Lê Nhật Uyên	Nhi	30	1	2004	THPT Nguyễn Văn Cừ	12A06	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Hóc Môn
170	Trần Bùi Tuyết	Trân	20	6	2004	THPT Phú Nhuận	12A05	Lịch sử	Kinh	Nhất	Phú Nhuận
171	Phạm Văn	Đồng	6	8	2004	THPT Phú Nhuận	12A14	Sinh học	Kinh	Nhất	Phú Nhuận
172	Nguyễn Phan Đức	Huy	30	9	2004	THPT Phú Nhuận	12A11	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Phú Nhuận

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
173	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	2	11	2004	THPT Tân Thông Hội	12A8	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
174	Trần Thanh	Trà	7	4	2004	THPT Thủ Đức	12A15	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
175	Trần Gia	Hân	23	7	2004	THPT Trần Hưng Đạo	12A15	Địa lí	Kinh	Nhất	Gò Vấp
176	Nguyễn Minh	Khôi	19	10	2004	THPT Trần Hưng Đạo	12A01	Lịch sử	Kinh	Nhất	Gò Vấp
177	Lê Thị Bích	Hằng	9	7	2004	THPT Trần Khai Nguyên	12A15	Địa lí	Kinh	Nhất	5
178	Nguyễn Võ Hương	Mỹ	10	1	2004	THPT Trần Khai Nguyên	12A14	Lịch sử	Kinh	Nhất	5
179	Nguyễn Đức	Thuận	30	8	2004	THPT Trần Khai Nguyên	12A14	Lịch sử	Kinh	Nhất	5
180	Nguyễn Lê Tuyết	Nghi	2	12	2004	THPT Trần Khai Nguyên	12A15	Ngữ văn	Kinh	Nhất	5
181	Nguyễn Thụy Thanh	Nhi	19	3	2004	THPT Trần Khai Nguyên	12A14	Ngữ văn	Kinh	Nhất	5
182	Dương Hoàng Gia	Bảo	27	5	2004	THPT Trần Phú	12A19	Địa lí	Kinh	Nhất	Tân Phú
183	Nguyễn Thanh	Nhân	26	9	2004	THPT Trần Phú	12A05	Hóa học	Kinh	Nhất	Tân Phú
184	Lưu Nhật	Hà	21	3	2004	THPT Trần Phú	12A16	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Phú
185	Đinh Thị Thùy	Linh	10	10	2004	THPT Trần Phú	12A13	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Phú
186	Lý Trường	Khôi	25	3	2004	THPT Trần Phú	12A15	Toán	Kinh	Nhất	Tân Phú
187	Phạm Duy	Anh	8	12	2004	THPT Trần Phú	12A20	Lịch sử	Kinh	Nhất	Tân Phú
188	Trần Thị Hồng	Thắm	18	3	2004	THPT Trần Văn Giàu	12A9	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
189	Bùi Thúy	Vy	15	7	2004	THPT Trần Văn Giàu	12A9	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
190	Lữ Gia Bảo	Ngọc	9	9	2004	THPT Trần Văn Giàu	12A9	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
191	Từ Ngọc Minh	Tiến	21	2	2004	THPT Trần Văn Giàu	12A15	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
192	Nguyễn Thi	Vân	21	10	2004	THPT Trung Lập	12A3	Lịch sử	Kinh	Nhất	Củ Chi
193	Khuất Ngân	Khánh	4	6	2004	THPT Trung Phú	12XH1	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
194	Dương Thị Thanh	Thùy	23	1	2004	THPT Trung Phú	12XH2	Lịch sử	Kinh	Nhất	Củ Chi
195	Phan Thị Tố	Như	16	10	2004	THPT Trung Phú	12XH1	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Củ Chi
196	Ngô Quang	Huy	26	11	2004	THPT Trưng Vương	12A3	Sinh học	Kinh	Nhất	1
197	Võ Minh	Quân	10	8	2004	THPT Võ Thị Sáu	12A18	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Thạnh

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
198	Trần Quốc	Đạt	10	7	2004	THPT Võ Thị Sáu	12A04	Hóa học	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
199	Trần Thế Đại	Phát	19	1	2004	THPT Võ Trường Toản	12C10	Toán	Kinh	Nhất	12
200	Huỳnh Danh	Quân	19	10	2004	Trung học Thực hành, ĐHSP	12.2	Hóa học	Kinh	Nhất	5
201	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	3	11	2004	Trung học Thực hành, ĐHSP	12CV	Ngữ văn	Kinh	Nhất	5
2. GIẢI NHẤT KÌ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ											
202	Trương Lực	Dũng	24	12	2007	TH, THCS và THPT Văn Lang	9/1	Tiếng Trung	Hoa	Nhất	5
203	Nguyễn Anh	Khoa	4	5	2007	THCS Bình Tân	9/1	Toán	Kinh	Nhất	Bình Tân
204	Ngô Thành	Hưng	23	3	2007	THCS Bình Tây	9/2	Toán	Kinh	Nhất	6
205	Ngô Tất	Đạt	30	6	2007	THCS Bình Thọ	9/3	Hóa học	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
206	Huỳnh Trần Thiên	Anh	18	6	2007	THCS Chánh Hưng	9A10	Ngữ văn	Kinh	Nhất	8
207	Đinh Huỳnh Bảo	Vi	4	4	2007	THCS Đặng Trần Côn	9/13	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Phú
208	Phạm Nguyễn Hồng	Lực	2	11	2005	THCS Gò Xoài	9A1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Bình Chánh
209	Nguyễn Hữu	Khánh	6	5	2007	THCS Hà Huy Tập	9A8	Lịch sử	Kinh	Nhất	12
210	Trương Nguyễn Mai	Anh	22	2	2007	THCS Hai Bà Trưng	9/9	Ngữ văn	Kinh	Nhất	3
211	Trần Thị Cẩm	Tú	2	2	2007	THCS Hiệp Phước	9A5	Lịch sử	Kinh	Nhất	Nhà Bè
212	Nguyễn Phúc	Khang	24	10	2007	THCS Hoa Lư	9A3	Địa lí	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
213	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	3	1	2007	THCS Hoa Lư	9T1	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
214	Châu Gia	Huy	1	6	2007	THCS Hoàng Hoa Thám	9A2	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
215	Trần Vũ Anh	Thư	17	2	2007	THCS Hưng Bình	9A2	Công nghệ	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
216	Nguyễn Phú Bảo	Khang	19	12	2007	THCS Lê Anh Xuân	9/1	Toán	Kinh	Nhất	Tân Phú
217	Nguyễn Tấn	Phát	15	2	2007	THCS Lê Lợi	9A9	Hóa học	Kinh	Nhất	Tân Phú
218	Trần Minh	Khôi	8	4	2007	THCS Lê Quý Đôn	9_01	Toán	Kinh	Nhất	3
219	Huỳnh Tấn	Đạt	18	10	2007	THCS Lê Thành Công	9A1	Địa lí	Kinh	Nhất	Nhà Bè
220	Nguyễn Hoàng	Tuấn	23	2	2007	THCS Lê Thành Công	9A1	Địa lí	Kinh	Nhất	Nhà Bè
221	Nguyễn Phương Khánh	Ngọc	17	8	2007	THCS Lê Thành Công	9A1	Lịch sử	Kinh	Nhất	Nhà Bè

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
222	Huỳnh Lê An	Khánh	21	6	2007	THCS Lê Văn Tám	9/8	Toán	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
223	Huỳnh Thanh	Nghị	1	1	2007	THCS Linh Trung	9/4	Tin học	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
224	Trần Thị Thu	Ngân	10	1	2007	THCS Lương Thế Vinh	9/3	Ngữ văn	Kinh	Nhất	12
225	Phạm Thị Thanh	Hằng	4	3	2007	THCS Lý Tự Trọng	9/6	Địa lí	Kinh	Nhất	Gò Vấp
226	Hà Huỳnh Quốc	Lợi	5	5	2007	THCS Lý Thường Kiệt	9/15	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Tân
227	Đinh Ngự Trường	Sơn	14	5	2007	THCS Ngô Quyền	9/2	Hóa học	Kinh	Nhất	Tân Bình
228	Phan Nguyễn Bảo	Nghi	4	6	2007	THCS Ngô Quyền	9/15	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Bình
229	Hoàng Lê Quỳnh	Anh	30	1	2007	THCS Ngô Quyền	9/11	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình
230	Nguyễn Đỗ Quang	Minh	22	6	2007	THCS Ngô Quyền	9/13	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình
231	Bùi Thị Mỹ	Linh	26	7	2007	THCS Ngô Quyền	9/2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Tân Bình
232	Hoàng Gia	Bảo	5	12	2007	THCS Ngô Quyền	9/12	Toán	Kinh	Nhất	Tân Bình
233	Võ Quang	Khải	16	10	2007	THCS Ngô Quyền	9/15	Toán	Kinh	Nhất	Tân Bình
234	Dương Quang	Trí	9	5	2007	THCS Ngô Sĩ Liên	9A2	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
235	Trương Uyển	Nghi	1	1	2007	THCS Ngô Sĩ Liên	9P	Tiếng Pháp	Hoa	Nhất	Tân Bình
236	Nguyễn Hồng Rose	Marie	17	6	2007	THCS Ngô Tất Tố	9A8	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Phú Nhuận
237	Lê Phan Đức	Mân	24	8	2007	THCS Nguyễn Bình Khiêm	9A9	Toán	Kinh	Nhất	Nhà Bè
238	Cung Trúc	Như	12	12	2007	THCS Nguyễn Du	9/8	Sinh học	Kinh	Nhất	1
239	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	31	10	2007	THCS Nguyễn Du	9/3	Sinh học	Kinh	Nhất	1
240	Nguyễn Võ Ánh	Dương	25	3	2007	THCS Nguyễn Du	9/6	Sinh học	Kinh	Nhất	Gò Vấp
241	Lê Ngọc Phúc	Nguyên	31	10	2007	THCS Nguyễn Gia Thiều	9A2	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
242	Phan Ngô Quỳnh	Mai	24	2	2007	THCS Nguyễn Gia Thiều	9A2	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình
243	Nguyễn Khánh	Nga	12	6	2007	THCS Nguyễn Gia Thiều	9A3	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình
244	Dương Văn	Tài	16	2	2007	THCS Nguyễn Hiền	9/7	Toán	Kinh	Nhất	12
245	Trần Thùy	Linh	23	1	2007	THCS Nguyễn Hữu Thọ	9A4	Sinh học	Kinh	Nhất	7
246	Lê Nguyễn Đan	Thanh	2	1	2007	THCS Nguyễn Hữu Thọ	9TC1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	7

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
247	Trương Nguyễn Đăng	Danh	3	6	2007	THCS Nguyễn Văn Bá	9A10	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
248	Võ Quỳnh	Giao	21	6	2007	THCS Phan Bội Châu	9/01	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Phú
249	Vũ Xuân	Thành	23	10	2007	THCS Phan Văn Trị	9/1	Hóa học	Kinh	Nhất	Gò Vấp
250	Trần Hoàng	Phát	9	11	2007	THCS Phước Bình	9.7	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
251	Lý Như	Quỳnh	13	6	2007	THCS Phước Lộc	9A2	Công nghệ	Kinh	Nhất	Nhà Bè
252	Thân Thị Ánh	Tuyết	2	11	2007	THCS Phước Lộc	9A2	Công nghệ	Kinh	Nhất	Nhà Bè
253	Lê Thành	Công	17	12	2007	THCS Phước Vĩnh An	9A2	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
254	Hoàng Như Yến	Thảo	25	1	2007	THCS Quang Trung	9/1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	Gò Vấp
255	Nguyễn Tấn	Thành	17	8	2007	THCS Tân An Hội	9A7	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Củ Chi
256	Nguyễn Phúc	Khang	23	1	2007	THCS Tân Bình	9/10	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
257	Trương Hà Minh	Thư	24	10	2007	THCS Tân Bình	9/10	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Bình
258	Vũ Thanh	Hải	18	8	2007	THCS Tân Bình	9/10	Tin học	Kinh	Nhất	Tân Bình
259	Bùi Ngọc Hồng	Ân	8	4	2007	THCS Tân Sơn	9/2	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Gò Vấp
260	Cao Thị Thuỳ	Linh	13	7	2007	THCS Tân Sơn	9/2	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Gò Vấp
261	Lưu Gia	Cần	26	1	2007	THCS Tân Sơn	9/6	Sinh học	Kinh	Nhất	Gò Vấp
262	Phan Nguyễn Anh	Thúy	20	9	2007	THCS Tân Tạo	9/3	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Tân
263	Kiều Khánh	Băng	25	4	2007	THCS Tân Túc	9/4	Địa lí	Kinh	Nhất	Bình Chánh
264	Phạm Trần Đăng	Khoa	12	10	2007	THCS Tân Thạnh Đông	9/8	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
265	Lương Tuấn	Anh	24	2	2007	THCS Thị Trấn	9/4	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
266	Phan Nguyễn Cát	Tường	15	1	2007	THCS Thị Trấn 2	9/8	Địa lí	Kinh	Nhất	Củ Chi
267	Trần Huỳnh Đăng	Khoa	23	1	2007	THCS Thị Trấn 2	9/7	Hóa học	Kinh	Nhất	Củ Chi
268	Nguyễn Khương Ngọc	Anh	31	12	2007	THCS Trần Quang Khải	9A11	Công nghệ	Kinh	Nhất	12
269	Nguyễn Thành	Đạt	7	6	2007	THCS Trần Quốc Toản	9A1	KHTN	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
270	Nguyễn Trần Như	Ý	26	10	2007	THCS Trần Văn Đang	9A4	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
271	Võ Minh	Quang	12	2	2007	THCS Trần Văn Quang	9/4	Sinh học	Kinh	Nhất	Tân Bình

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
272	Trần Phương	Uyên	6	4	2007	THCS Trường Chinh	9A5	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
273	Nguyễn Quỳnh	Như	7	1	2007	THCS Trường Chinh	9A2	KHTN	Kinh	Nhất	Tân Bình
274	Hoàng Nguyễn Phương	Nghi	15	5	2007	THCS Trường Chinh	9A5	Ngữ văn	Kinh	Nhất	Tân Bình
275	Nguyễn Khánh	Vân	9	10	2007	THCS Võ Thành Trang	9A14	Vật lí	Kinh	Nhất	Tân Phú
276	Trần Kim Gia	Bình	5	5	2006	THCS Võ Trường Toản	9/7	Tiếng Nhật	Kinh	Nhất	1
277	Nguyễn Quang	Đăng	11	6	2007	THCS Võ Trường Toản	9/3	Vật lí	Kinh	Nhất	1
278	Phạm Tăng Minh	Đức	28	3	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A1	Hóa học	Kinh	Nhất	1
279	Huỳnh Ngọc Minh	Hạnh	22	10	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A5	Hóa học	Kinh	Nhất	1
280	Phạm Triều	Khang	2	10	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A14	Hóa học	Kinh	Nhất	1
281	Trần Hồ An	Nhiên	14	8	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A9	Hóa học	Kinh	Nhất	1
282	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	21	3	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A7	Ngữ văn	Kinh	Nhất	1
283	Nguyễn Đức Khôi	Nguyên	22	2	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A9	Sinh học	Kinh	Nhất	1
284	Thi Hồng Ánh	Xuân	27	4	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
285	Hồ Trọng	Nhân	22	11	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A3	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
286	Vũ Chí	Thành	23	1	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A5	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
287	Ngô Quốc An	Khang	20	1	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A4	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
288	Dương Trung	Anh	29	4	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A5	Tin học	Kinh	Nhất	1
289	Trương Lê	Huy	1	1	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A5	Tin học	Kinh	Nhất	1
290	Dương Hồng	Thái	11	2	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A10	Tin học	Kinh	Nhất	1
291	Trần Thiên	Trí	29	6	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A7	Tin học	Kinh	Nhất	1
292	Nguyễn Minh	Thiện	3	6	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A15	Toán	Kinh	Nhất	1
293	Nguyễn Kim Hoàng	Nam	23	7	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A15	Toán	Kinh	Nhất	1
294	Trương Công Minh	Khuê	22	8	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A15	Toán	Kinh	Nhất	1
295	Trần Lưu Anh	Kiệt	17	1	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A14	Vật lí	Kinh	Nhất	1

3. GIẢI NHẤT KÌ THI GIẢI TOÁN TRÊN MÁY TÍNH CẦM TAY CẤP THÀNH PHỐ

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
296	Nguyễn Thùy Minh	Anh	17	12	2004	THCS và THPT Hồng Hà	12A1	Hóa 12	Kinh	Nhất	Gò Vấp
297	Hồ Hoàng	Nam	2	1	2004	THCS và THPT Trí Đức	12C1	Toán 12	Kinh	Nhất	Tân Phú
298	Quách Tuấn	Khôi	25	9	2004	THPT Bình Phú	12A01	Toán 12	Kinh	Nhất	6
299	Hoàng Anh	Hùng	29	4	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Lý 12	Kinh	Nhất	5
300	Ngô Minh	Hưng	16	7	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Lý 12	Kinh	Nhất	5
301	Ngô Minh	Khôi	14	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Lý 12	Kinh	Nhất	5
302	Nguyễn Vinh	Hiển	20	9	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa 12	Kinh	Nhất	5
303	Phạm Nguyễn Song	Đan	14	8	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh 12	Kinh	Nhất	5
304	Nguyễn Phúc Minh	Nhật	30	4	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CL	Lý 12	Kinh	Nhất	1
305	Đỗ Lê Phúc	Thịnh	20	1	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CS	Sinh 12	Kinh	Nhất	1
306	Chung Thế	Vân	8	2	2004	THPT Hùng Vương	12A10	Hóa 12	Hoa	Nhất	5
307	Hoàng Đăng	Khoa	12	7	2004	THPT Lê Minh Xuân	12A2	Toán 12	Kinh	Nhất	Bình Chánh
308	Nguyễn Đức	Luân	3	2	2004	THPT Lê Minh Xuân	12A1	Lý 12	Kinh	Nhất	Bình Chánh
309	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	4	5	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa 12	Kinh	Nhất	6
310	Nguyễn Thành	Quang	20	7	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa 12	Kinh	Nhất	6
311	Nguyễn Hoài	Nam	1	4	2004	THPT Ngô Quyền	12G	Toán 12	Kinh	Nhất	7
312	Nguyễn Phúc	Huy	25	5	2004	THPT Nguyễn Chí Thanh	12A6	Lý 12	Kinh	Nhất	
313	Trần Trung	Tín	18	10	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A01	Toán 12	Kinh	Nhất	Hóc Môn
314	Nguyễn Hoàng	Tú	22	12	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A01	Toán 12	Kinh	Nhất	Hóc Môn
315	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	16	6	2004	THPT Nguyễn Hữu Cầu	12A03	Hóa 12	Kinh	Nhất	Hóc Môn
316	Nguyễn Cửu Gia	Bảo	4	5	2004	THPT Nguyễn Thượng Hiền	12CH	Sinh 12	Kinh	Nhất	Tân Bình
317	Phan Bảo	Nghi	19	7	2004	THPT Nguyễn Thượng Hiền	12A01	Sinh 12	Kinh	Nhất	Tân Bình
318	Võ Trần	Phi	9	6	2004	THPT Phú Hòa	12A1	Toán 12	Kinh	Nhất	Củ Chi
319	Trần Hưng	Long	15	6	2004	THPT Trần Hưng Đạo	12A13	Sinh 12	Kinh	Nhất	Gò Vấp
320	Nguyễn Thành	Tài	16	2	2004	THPT Trần Phú	12A05	Toán 12	Kinh	Nhất	Tân Phú

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
321	Sang Sỹ	Tiếng	23	1	2004	THPT Trần Phú	12A15	Sinh 12	Hoa	Nhất	Tân Phú
322	Cao Thế	Quân	19	1	2004	THPT Võ Thị Sáu	12A02	Lý 12	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
323	Trần Quốc	Đạt	10	7	2004	THPT Võ Thị Sáu	12A04	Hóa 12	Kinh	Nhất	Bình Thạnh
324	Lê Thị Thanh	Nhàn	20	12	2004	THPT Võ Văn Kiệt	12A01	Toán 12	Kinh	Nhất	8
325	Trần Minh	Khôi	8	4	2007	THCS Lê Quý Đôn	9_01	Toán 9	Kinh	Nhất	3
326	Nguyễn Huỳnh Mai	Linh	20	11	2007	THCS Nguyễn Trãi	9/1	Toán 9	Kinh	Nhất	Gò Vấp
327	Dương Hoàng	Huy	13	8	2008	THCS Trường Thọ	8/3	Toán 9	Kinh	Nhất	Thành phố Thủ Đức
328	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	14	4	2007	THCS Võ Thành Trang	9A11	Toán 9	Kinh	Nhất	Tân Phú
329	Phạm Luân	Khang	20	7	2007	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	9A12	Toán 9	Kinh	Nhất	1
4. GIẢI NHẤT CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP THÀNH PHỐ											
330	Nguyễn Hoàng Thạch	Thảo	2	1	2005	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	11I2	thuật Y Sinh (	Kinh	Nhất	7
331	Lê Phương Thảo	Vy	27	4	2005	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	11I5	thuật Y Sinh (	Kinh	Nhất	7
332	Nguyễn Hoài	Hương	5	3	2004	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	12I1	học vật liệu	Kinh	Nhất	7
333	Trần Thị Khánh	Linh	5	9	2004	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	12I4	học vật liệu	Kinh	Nhất	7
334	Đoàn Thúy	Hằng	17	3	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA2	ng phần mềm	Kinh	Nhất	5
335	Nguyễn Minh Nhật	Huy	18	12	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTIN	ng phần mềm	Kinh	Nhất	5
336	Dương Quỳnh	Hoa	6	5	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa sinh (3)	Kinh	Nhất	5
337	Phan Thiện	Văn	3	6	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL2	Hóa sinh (3)	Kinh	Nhất	5
338	Mã Thoại	Như	2	5	2006	THPT chuyên Lê Hồng Phong	10D1	ng phần mềm	Hoa	Nhất	5
339	Lê Nhật Khánh	Linh	16	2	2006	THPT chuyên Lê Hồng Phong	10B	ng phần mềm	Kinh	Nhất	5
340	Trần Thị Cát	Tường	9	2	2005	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	11A1	xã hội và hà	Kinh	Nhất	1
341	Hồ Bảo	Nghi	26	4	2005	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	11A1	xã hội và hà	Kinh	Nhất	1
5. GIẢI CẤP QUỐC GIA											
1	Phan Nguyên	Khôi	08	06	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CA1	Tiếng Anh	Kinh	Ba	5
2	Nguyễn Ngọc Phúc	Khang	15	02	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CA1	Tiếng Anh	Kinh	Khuyến khích	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
3	Phạm Từ Khánh	Hưng	01	06	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CH1	Hóa học	Kinh	Nhì	5
4	Từ Đăng	Khôi	08	06	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CL1	Vật lí	Kinh	Ba	5
5	Đăng Phúc	Nguyên	04	01	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CL1	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
6	Nguyễn Song	Khuê	30	03	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CP	Tiếng Pháp	Kinh	Khuyến khích	5
7	Lê Thị Tường	Nghi	21	10	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CSI	Sinh học	Kinh	Ba	5
8	Nguyễn Hàn	Phong	01	04	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CSI	Sinh học	Kinh	Khuyến khích	5
9	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	14	03	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CSU-Đ	Địa lí	Kinh	Ba	5
10	Hoàng Đào Nguyên	Ngọc	31	10	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CSU-Đ	Địa lí	Kinh	Khuyến khích	5
11	Ngô Thành	Long	30	08	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CSU-Đ	Địa lí	Kinh	Khuyến khích	5
12	Võ Hoàng	Ngân	08	05	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CT1	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
13	Đoàn Đức	Tuân	29	07	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CT1	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
14	Đào Hoàng Minh	Triết	03	03	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTIN	Tin học	Kinh	Ba	5
15	Xỉn Quý	Hùng	09	10	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTIN	Tin học	Hoa	Ba	5
16	Lâm Phước	Thạnh	13	12	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Ba	5
17	Tạ Hân	Hòa	11	01	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Ba	5
18	Nguyễn Đình	An	22	09	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTR-N	Tiếng Trung	Kinh	Ba	5
19	Vương Gia	Thịnh	21	03	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Khuyến khích	5
20	Lại Như	Phương	05	12	2005	THPT chuyên Lê Hồng Phong	11CV1	Ngữ văn	Kinh	Khuyến khích	5
21	Nguyễn Gia	Nghi	22	04	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12A1	Địa lí	Kinh	Ba	5
22	Phạm Ngô Khánh	Trang	03	04	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA1	Tiếng Anh	Kinh	Ba	5
23	Nguyễn Đức	Huy	13	06	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CA3	Tiếng Anh	Kinh	Khuyến khích	5
24	Nguyễn Việt	Phong	03	03	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
25	Hoàng Anh	Đức	08	04	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhất	5
26	Đào Khánh	Thuận	18	09	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Hoa	Nhì	5
27	Đăng Nguyễn Anh	Kiệt	24	01	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhì	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
28	Nguyễn Xuân Hoàng	Dương	09	01	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhì	5
29	Trần Phạm Khánh	Duy	12	01	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CH1	Hóa học	Kinh	Nhì	5
30	Hoàng Anh	Hùng	29	04	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Nhất	5
31	Nguyễn Anh	Thạch	09	05	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Ba	5
32	Ngô Minh	Hưng	16	07	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Ba	5
33	Đoàn Nguyễn Minh	Khoa	21	08	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
34	Trần Minh	Đăng	21	04	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CL1	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
35	Lê Cát Mỹ	Trân	01	09	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhì	5
36	Nguyễn Trọng	Hiếu	12	12	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Nhì	5
37	Trương Minh	Khánh	02	12	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CP	Tiếng Pháp	Kinh	Khuyến khích	5
38	Hoàng Quốc	Minh	15	08	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CSI-B	Sinh học	Kinh	Khuyến khích	5
39	Trần Đức Trí	Cường	21	10	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhì	5
40	Thái Quang	Phát	18	03	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Nhì	5
41	Nguyễn Minh	Khoa	28	08	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
42	Đàm Văn	Lâm	09	02	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CT1	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
43	Đoàn Anh	Tuấn	09	03	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhì	5
44	Nguyễn Thanh Phước	Lộc	21	01	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Nhì	5
45	Nguyễn Thành	An	01	03	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Ba	5
46	Ngô Hoàng	Tuấn	26	08	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Khuyến khích	5
47	Nguyễn Hoàng	Phúc	22	08	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTIN-A	Tin học	Kinh	Khuyến khích	5
48	Quan Kiến	Tân	06	05	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Nhì	5
49	Trần Thi	Trân	12	07	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CTR-N	Tiếng Trung	Hoa	Khuyến khích	5
50	Trần Trọng	Đoàn	06	05	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CV1	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
51	Nguyễn Hà Quốc	Bảo	02	05	2004	THPT chuyên Lê Hồng Phong	12CV1	Lịch sử	Kinh	Khuyến khích	5
52	Nguyễn Công Thái	Dương	27	09	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	11CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
53	Bùi Quốc	Khải	06	08	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
54	Lê Phú Anh	Khang	09	10	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
55	Hồ Đình Xuân	Khanh	20	11	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	1
56	Nguyễn Hưng	Thịnh	20	04	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CA2	Tiếng Anh	Kinh	Ba	1
57	Lâm Quốc	Bảo	22	08	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CH	Hóa học	Kinh	Khuyến khích	1
58	Nguyễn Hoàng	Giang	01	01	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CH	Hóa học	Kinh	Nhì	1
59	Đỗ Lê Phúc	Thịnh	20	01	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CS	Sinh học	Kinh	Nhì	1
60	Trần Thượng	Triều	03	11	2004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	12CV	Ngữ văn	Kinh	Khuyến khích	1
61	Nguyễn Như	Nghĩa	06	07	2004	THPT Gia Định	12HS	Sinh học	Kinh	Ba	Bình Thạnh
62	Nguyễn Hoàng	Ngân	27	05	2005	THPT Gia Định	11CV	Lịch sử	Kinh	Ba	Bình Thạnh
63	Đặng Đình	Trung	11	02	2006	THPT Gia Định	10CT	Toán	Kinh	Khuyến khích	Bình Thạnh
64	Nguyễn Thị Hải	Linh	30	12	2005	THPT Gia Định	11CT	Địa lí	Kinh	Khuyến khích	Bình Thạnh
65	Lê Vũ	Tiến	01	07	2004	THPT Mạc Đĩnh Chi	12A03	Hóa học	Kinh	Khuyến khích	6
66	Phạm Vân	Anh	30	08	2005	THPT Nguyễn Thượng Hiền	11A06	Địa lí	Kinh	Khuyến khích	Tân Bình
67	Châu Nguyễn Ái	My	24	3	2004	Trung học Thực hành, ĐHSP	11CV	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
68	Đặng Cao	Minh	11	6	2004	Trung học Thực hành, ĐHSP	12CA	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
69	Nguyễn Bá	Kiệt	11	10	2004	Trung học Thực hành, ĐHSP	12CT	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
70	Phạm Hoàng	Sơn	01	01	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Toán	Kinh	Nhất	5
71	Trần Nguyễn Thanh	Danh	17	02	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Toán	Toán	Kinh	Nhất	5
72	Hoàng Anh	Minh	13	11	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Anh 1	Tiếng Anh	Kinh	Nhất	5
73	Nguyễn Tiến	Khải	05	09	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Toán	Kinh	Nhì	5
74	Huỳnh Thái Duy	Anh	21	06	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Hóa	Hóa học	Kinh	Nhì	5
75	Lê Minh	Hoàng	17	5	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Tin	Tin học	Kinh	Nhì	5
76	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	15	11	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Văn	Ngữ văn	Kinh	Nhì	5
77	Lê Võ Quốc	Thái	05	08	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Văn	Ngữ văn	Kinh	Nhi	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
78	Đặng Trần Đoan	Trang	19	04	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Nhì	5
79	Huỳnh Ngọc Bảo	Kha	05	10	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Anh 1A	Tiếng Anh	Kinh	Nhì	5
80	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	02	10	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Nhì	5
81	Trần Hoàng Minh	Châu	20	11	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Nhì	5
82	Trương Công Huy	Hoàng	21	01	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Toán	Toán	Kinh	Ba	5
83	Hồ Vũ Minh	Khang	19	05	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Toán	Toán	Kinh	Ba	5
84	Trần Phan Anh	Danh	01	06	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Lý	Vật lí	Kinh	Ba	5
85	Nguyễn Trần Gia	Bảo	01	05	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Lý	Vật lí	Kinh	Ba	5
86	Phạm Đức	Minh	09	09	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Hóa	Hóa học	Kinh	Ba	5
87	Lê Phan Minh	Khoa	31	03	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Tin học	Kinh	Ba	5
88	Phạm Quang	Minh	18	05	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Tin	Tin học	Kinh	Ba	5
89	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	29	08	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Tin học	Kinh	Ba	5
90	Nguyễn Tuấn	Tài	13	01	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Tin học	Kinh	Ba	5
91	Nguyễn Đức	Trí	06	02	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Tin	Tin học	Kinh	Ba	5
92	Võ Khắc	Triệu	09	07	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Tin	Tin học	Kinh	Ba	5
93	Hồ Trọng	Minh	26	08	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Tin	Tin học	Kinh	Ba	5
94	Bùi Nguyễn Đức	Tân	29	11	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Tin	Tin học	Kinh	Ba	5
95	Nguyễn Minh	Phúc	04	08	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Văn	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
96	Phạm Ngọc Khánh	Linh	24	12	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Văn	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
97	Thịnh Phương	Linh	15	02	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Văn	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
98	Vương Trần	Chí	17	01	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Văn	Ngữ văn	Kinh	Ba	5
99	Phạm An	Khuê	01	02	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Ba	5
100	Phạm Ân	Trân	01	09	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Hóa	Tiếng Anh	Kinh	Ba	5
101	Trương Bích	Lam	25	06	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Ba	5
102	Lư Tuấn	Thành	22	11	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Toán	Toán	Hoa	Khuyến khích	5

TT	Họ và lót	Tên	Ng	Th	Năm	Trường	Lớp	Môn/Lĩnh vực	Dân tộc	Giải	Quận/Huyện
103	Lã Trọng Thiên	Việt	05	01	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Toán	Toán	Kinh	Khuyến khích	5
104	Mai Vĩnh	Khánh	16	06	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Lý	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
105	Trần Gia	Bình	07	10	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Lý	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
106	Đào Long	Đức	30	08	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Lý	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
107	Đào Minh	Duy	09	08	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Lý	Vật lí	Kinh	Khuyến khích	5
108	Ngô Khánh	Đức	28	02	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 KC1	Hóa học	Hoa	Khuyến khích	5
109	Trần Hoàng	Anh	11	12	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Hóa	Hóa học	Kinh	Khuyến khích	5
110	Đào Ngọc Phương	Anh	26	03	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Sinh	Sinh học	Kinh	Khuyến khích	5
111	Nguyễn Long	Hưng	16	03	2004	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	12 Sinh	Sinh học	Kinh	Khuyến khích	5
112	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	23	06	2005	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	11 Văn	Ngữ văn	Kinh	Khuyến khích	5
113	Nguyễn Phước Hải	Trân	09	06	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Văn	Ngữ văn	Kinh	Khuyến khích	5
114	Vũ Hoàng Khôi	Nguyên	120	09	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Khuyến khích	5
115	Đỗ Ngọc Yến	Nhi	08	10	2006	Phổ thông Năng khiếu, ĐHQG	10 Anh	Tiếng Anh	Kinh	Khuyến khích	5